

**PHỤ LỤC 3 - DANH MỤC NGÀNH, TỔ HỢP THEO  
KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT 2025  
(PHƯƠNG THỨC 2)**

| STT                            | Mã ngành | Tên ngành                                | Tổ hợp môn                                                                                                                          |
|--------------------------------|----------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN</b> |          |                                          |                                                                                                                                     |
| 1                              | 7220201  | Ngôn ngữ Anh                             | Toán, Văn, Anh*2<br>Văn, Anh*2, Lý                                                                                                  |
| 2                              | 7220204  | Ngôn ngữ Trung Quốc                      | Toán, Văn, Anh*2<br>Toán, Văn, Trung*2<br>Văn, Anh*2, Lý<br>Văn, Trung*2, Lý                                                        |
| 3                              | 7810101  | Du lịch (Chuyên ngành Quản lý du lịch)   | Văn*2, Anh, Toán<br>Văn *2, Anh, Sử<br>Văn*2, Sử, Địa<br>Văn*2, Toán, Lý<br>Văn*2, Toán, Địa<br>Văn*2, Toán, Sử<br>Văn*2, Toán, Hóa |
| 4                              | 7810101H | Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) | Văn*2, Anh, Toán<br>Văn *2, Anh, Sử<br>Văn*2, Sử, Địa<br>Văn*2, Toán, Lý<br>Văn*2, Toán, Địa<br>Văn*2, Toán, Sử<br>Văn*2, Toán, Hóa |
| 5                              | 7310301  | Xã hội học                               | Văn*2, Anh, Toán<br>Văn *2, Anh, Sử<br>Văn*2, Sử, Địa<br>Văn*2, Toán, Lý<br>Văn*2, Toán, Địa<br>Văn*2, Toán, Sử<br>Văn*2, Toán, Hóa |
| 6                              | 7760101  | Công tác xã hội                          | Văn*2, Anh, Toán<br>Văn *2, Anh, Sử<br>Văn*2, Sử, Địa<br>Văn*2, Toán, Lý<br>Văn*2, Toán, Địa<br>Văn*2, Toán, Sử<br>Văn*2, Toán, Hóa |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                              | Tổ hợp môn                                                                                                        |
|-----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7   | 7340101  | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực)                             | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa |
| 8   | 7340101C | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng)                             | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa |
| 9   | 7340101N | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn)                       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa |
| 10  | 7340115  | Marketing                                                                              | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa |
| 11  | 7340120  | Kinh doanh quốc tế                                                                     | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa |
| 12  | 7340408  | Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức) | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa |
| 13  | 7340201  | Tài chính - Ngân hàng                                                                  | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                               | Tổ hợp môn                                                                                                                                              |
|-----|----------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14  | 7340201Q | Tài chính - Ngân hàng (Chuyên ngành Tài chính quốc tế)  | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 15  | 7340301  | Kế toán                                                 | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 16  | 7340302  | Kiểm toán (Chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 17  | 7380101  | Luật                                                    | Văn*2, Sử, Địa<br>Văn*2, Anh, Toán<br>Văn*2, Anh, Địa<br>Văn*2, Toán, Sử<br>Văn*2, Toán, Địa<br>Văn *2, Toán, Lý<br>Văn *2, Toán, Hóa<br>Văn*2, Anh, Sử |
| 18  | 7720201  | Dược học                                                | Toán, Hóa*2,Lý<br>Toán, Hóa*2, Sinh<br>Toán, Hóa*2, Anh<br>Toán, Hóa*2, Văn<br>Toán, Hóa*2, Tin học<br>Toán, Hóa*2, Công nghệ (hướng công nghiệp)       |
| 19  | 7420201  | Công nghệ sinh học                                      | Toán, Sinh*2, Hóa<br>Toán, Sinh*2, Anh<br>Toán, Sinh*2, Lý<br>Toán, Sinh*2, Văn<br>Toán, Sinh*2, Công nghệ (hướng công nghiệp)<br>Toán, Sinh*2, Tin học |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                             | Tổ hợp môn                                                                                                                                            |
|-----|----------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20  | 7520301  | Kỹ thuật hóa học                      | Toán, Lý, Hóa*2<br>Toán, Sinh, Hóa*2<br>Toán, Hóa*2, Anh<br>Toán, Hóa*2, Tin học<br>Toán, Hóa*2, Văn<br>Toán, Hóa*2, Công nghệ<br>(hướng công nghiệp) |
| 21  | 7480101  | Khoa học máy tính                     | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                 |
| 22  | 7480102  | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                 |
| 23  | 7480103  | Kỹ thuật phần mềm                     | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                 |
| 24  | 7520201  | Kỹ thuật điện                         | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học          |
| 25  | 7520207  | Kỹ thuật điện tử - viễn thông         | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học          |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                      | Tổ hợp môn                                                                                                                                   |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 26  | 7520207T | Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chuyên ngành Kỹ thuật thiết kế vi mạch bán dẫn) | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học |
| 27  | 7520216  | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa                                             | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học |
| 28  | 7520114  | Kỹ thuật cơ điện tử                                                            | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học |
| 29  | 7580201  | Kỹ thuật xây dựng                                                              | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Văn, Hóa                         |
| 30  | 7580205  | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông                                        | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Văn, Hóa                         |
| 31  | 7580302  | Quản lý xây dựng                                                               | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Văn, Hóa                         |
| 32  | 7580101  | Kiến trúc                                                                      | Toán, Vẽ HHMT*2, Lý<br>Toán, Vẽ HHMT*2, Văn<br>Toán, Vẽ HHMT*2, Anh                                                                          |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                      | Tổ hợp môn                                                                                                                                                           |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 33  | 7580105  | Quy hoạch vùng và đô thị                                                       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Văn, Hóa<br>Toán*2, Vẽ HHMT, Văn<br>Toán*2, Vẽ HHMT, Anh |
| 34  | 7580108  | Thiết kế nội thất                                                              | Văn, Vẽ HHMT*2, Vẽ TTM<br>Văn, Toán, Vẽ HHMT*2<br>Toán, Vẽ HHMT*2, Vẽ TTM<br>Văn, Toán, Vẽ TTM*2<br>Văn, Anh, Vẽ HHMT*2<br>Văn, Anh, Vẽ TTM*2                        |
| 35  | 7210403  | Thiết kế đồ họa                                                                | Văn, Vẽ HHMT*2, Vẽ TTM<br>Văn, Toán, Vẽ HHMT*2<br>Toán, Vẽ HHMT*2, Vẽ TTM<br>Văn, Toán, Vẽ TTM*2<br>Văn, Anh, Vẽ HHMT*2<br>Văn, Anh, Vẽ TTM*2                        |
| 36  | 7210404  | Thiết kế thời trang                                                            | Văn, Vẽ HHMT*2, Vẽ TTM<br>Văn, Toán, Vẽ HHMT*2<br>Toán, Vẽ HHMT*2, Vẽ TTM<br>Văn, Toán, Vẽ TTM*2<br>Văn, Anh, Vẽ HHMT*2<br>Văn, Anh, Vẽ TTM*2                        |
| 37  | 7810301  | Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện) | Toán*2, Anh, Lý<br>Toán*2, Văn, Sinh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Sinh<br>Toán, Sinh, NK TDTT*2<br>Văn, Anh, NK TDTT*2                     |
| 38  | 7810301G | Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)                                   | Toán*2, Anh, Lý<br>Toán*2, Văn, Sinh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Sinh<br>Toán, Sinh, NK TDTT*2<br>Văn, Anh, NK TDTT*2                     |

| STT                           | Mã ngành | Tên ngành                                                                      | Tổ hợp môn                                                                                                                                                   |
|-------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 39                            | 7850201  | Bảo hộ lao động                                                                | Toán*2, Hóa, Lý<br>Toán*2, Hóa, Anh<br>Toán*2, Hóa, Sinh<br>Toán*2, Hóa, Văn<br>Toán*2, Anh, Lý<br>Toán*2, Anh, Sinh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Sinh |
| 40                            | 7510406  | Công nghệ kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường nước) | Toán*2, Hóa, Lý<br>Toán*2, Hóa, Anh<br>Toán*2, Hóa, Sinh<br>Toán*2, Hóa, Văn<br>Toán*2, Anh, Lý<br>Toán*2, Anh, Sinh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Sinh |
| 41                            | 7440301  | Khoa học môi trường                                                            | Toán*2, Hóa, Lý<br>Toán*2, Hóa, Anh<br>Toán*2, Hóa, Sinh<br>Toán*2, Hóa, Văn<br>Toán*2, Anh, Lý<br>Toán*2, Anh, Sinh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Sinh |
| 42                            | 7460112  | Toán ứng dụng                                                                  | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Lý, Văn                 |
| 43                            | 7460201  | Thống kê                                                                       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Lý, Văn                 |
| <b>CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN</b> |          |                                                                                |                                                                                                                                                              |
| 1                             | F7210403 | Thiết kế đồ họa - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                | Văn, Vẽ HHMT*2, Vẽ TTM<br>Văn, Toán, Vẽ HHMT*2<br>Toán, Vẽ HHMT*2, Vẽ TTM<br>Văn, Toán, Vẽ TTM*2<br>Văn, Anh, Vẽ HHMT*2<br>Văn, Anh, Vẽ TTM*2                |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                        | Tổ hợp môn                                                                                                                          |
|-----|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2   | F7220201  | Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                                     | Toán, Văn, Anh*2<br>Văn, Anh*2, Lý                                                                                                  |
| 3   | F7220204  | Ngôn ngữ Trung Quốc - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                              | Toán, Văn, Anh*2<br>Toán, Văn, Trung*2<br>Văn, Lý, Anh*2<br>Văn, Lý, Trung*2                                                        |
| 4   | F7310301  | Xã hội học - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                                       | Văn*2, Anh, Toán<br>Văn *2, Anh, Sử<br>Văn*2, Sử, Địa<br>Văn*2, Toán, Lý<br>Văn*2, Toán, Địa<br>Văn*2, Toán, Sử<br>Văn*2, Toán, Hóa |
| 5   | F7340101  | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực) - <i>Chương trình tiên tiến</i>       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                   |
| 6   | F7340115  | Marketing - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                                        | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                   |
| 7   | F7340101N | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình tiên tiến</i> | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                   |
| 8   | F7340120  | Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                               | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                   |
| 9   | F7340201  | Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                            | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                   |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                   | Tổ hợp môn                                                                                                                                              |
|-----|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10  | F7340301  | Kế toán - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                     | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 11  | F7380101  | Luật (Chuyên ngành Luật kinh tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>            | Văn*2, Sử, Địa<br>Văn*2, Anh, Toán<br>Văn*2, Anh, Địa<br>Văn*2, Toán, Sử<br>Văn*2, Toán, Địa<br>Văn *2, Toán, Lý<br>Văn *2, Toán, Hóa<br>Văn*2, Anh, Sử |
| 12  | F7380101T | Luật (Chuyên ngành Luật thương mại quốc tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i> | Văn*2, Sử, Địa<br>Văn*2, Anh, Toán<br>Văn*2, Anh, Địa<br>Văn*2, Toán, Sử<br>Văn*2, Toán, Địa<br>Văn *2, Toán, Lý<br>Văn *2, Toán, Hóa<br>Văn*2, Anh, Sử |
| 13  | F7420201  | Công nghệ sinh học - <i>Chương trình tiên tiến</i>                          | Toán, Sinh*2, Hóa<br>Toán, Sinh*2, Anh<br>Toán, Sinh*2, Lý<br>Toán, Sinh*2, Văn<br>Toán, Sinh*2, Công nghệ (hướng công nghiệp)<br>Toán, Sinh*2, Tin học |
| 14  | F7480101  | Khoa học máy tính - <i>Chương trình tiên tiến</i>                           | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                   |
| 15  | F7480103  | Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình tiên tiến</i>                           | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                   |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                          | Tổ hợp môn                                                                                                                                         |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16  | F7520201 | Kỹ thuật điện - <i>Chương trình tiên tiến</i>                      | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học       |
| 17  | F7520207 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông - <i>Chương trình tiên tiến</i>      | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học       |
| 18  | F7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình tiên tiến</i> | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học       |
| 19  | F7580201 | Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình tiên tiến</i>                  | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Văn, Hóa                               |
| 20  | F7520301 | Kỹ thuật hóa học - <i>Chương trình tiên tiến</i>                   | Toán, Lý, Hóa*2<br>Toán, Sinh, Hóa*2<br>Toán, Hóa*2, Anh<br>Toán, Hóa*2, Tin học<br>Toán, Hóa*2, Văn<br>Toán, Hóa*2, Công nghệ (hướng công nghiệp) |
| 21  | F7580101 | Kiến trúc - <i>Chương trình tiên tiến</i>                          | Toán, Vẽ HHMT*2, Lý<br>Toán, Vẽ HHMT*2, Văn<br>Toán, Vẽ HHMT*2, Anh                                                                                |

| STT                                             | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                          | Tổ hợp môn                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẠI PHÂN HIỆU KHÁNH HÒA</b> |           |                                                                                                                    |                                                                                                                                                         |
| 1                                               | N7210403  | Thiết kế đồ họa - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                                                  | Văn, Vẽ HHMT*2, Vẽ TTM<br>Văn, Toán, Vẽ HHMT*2<br>Toán, Vẽ HHMT*2, Vẽ TTM<br>Văn, Toán, Vẽ TTM*2<br>Văn, Anh, Vẽ HHMT*2<br>Văn, Anh, Vẽ TTM*2           |
| 2                                               | N7220201  | Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                                                     | Toán, Văn, Anh*2<br>Văn, Anh*2, Lý                                                                                                                      |
| 3                                               | N7340115  | Marketing - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                                                        | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 4                                               | N7340101N | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i> | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 5                                               | N7340301  | Kế toán - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                                                          | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 6                                               | N7380101  | Luật (Chuyên ngành Luật kinh tế) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                                 | Văn*2, Sử, Địa<br>Văn*2, Anh, Toán<br>Văn*2, Anh, Địa<br>Văn*2, Toán, Sử<br>Văn*2, Toán, Địa<br>Văn *2, Toán, Lý<br>Văn *2, Toán, Hóa<br>Văn*2, Anh, Sử |
| 7                                               | N7810101H | Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                         | Văn*2, Anh, Toán<br>Văn *2, Anh, Sử<br>Văn*2, Sử, Địa<br>Văn*2, Toán, Lý<br>Văn*2, Toán, Địa<br>Văn*2, Toán, Sử<br>Văn*2, Toán, Hóa                     |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                                                                        | Tổ hợp môn                                                                                                                                                   |
|-----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8   | N7480103 | Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                                                              | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                        |
| 9   | N7480101 | Khoa học máy tính - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                                                              | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                        |
| 10  | N7850201 | Bảo hộ lao động - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                                                                | Toán*2, Hóa, Lý<br>Toán*2, Hóa, Anh<br>Toán*2, Hóa, Sinh<br>Toán*2, Hóa, Văn<br>Toán*2, Anh, Lý<br>Toán*2, Anh, Sinh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Sinh |
| 11  | N7340408 | Quan hệ lao động (Chuyên ngành Hành vi tổ chức) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                                | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                            |
| 12  | N7580302 | Quản lý xây dựng - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>                                                               | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Văn, Hóa                                         |
| 13  | N7810301 | Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i> | Toán*2, Anh, Lý<br>Toán*2, Văn, Sinh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Sinh<br>Toán, Sinh, NK TDTT*2<br>Văn, Anh, NK TDTT*2             |

| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành   | Tên ngành                                                                                               | Tổ hợp môn                                                                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                         |            |                                                                                                         |                                                                                                                                                         |
| <b>Điều kiện tiếng Anh đầu vào:</b> Thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trình độ B1 tương đương IELTS 5.0 trở lên theo quy định của TDTU có giá trị từ ngày 01/10/2023 và còn giá trị đến ngày 01/10/2025. Thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định về TDTU sẽ không đủ điều kiện xét tuyển. |            |                                                                                                         |                                                                                                                                                         |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | FA7220201  | Ngôn ngữ Anh - Chương trình đại học bằng tiếng Anh                                                      | Toán, Văn, Anh*2<br>Văn, Anh*2, Lý                                                                                                                      |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | FA7340115  | Marketing - Chương trình đại học bằng tiếng Anh                                                         | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | FA7340101N | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | FA7340120  | Kinh doanh quốc tế - Chương trình đại học bằng tiếng Anh                                                | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | FA7420201  | Công nghệ sinh học - Chương trình đại học bằng tiếng Anh                                                | Toán, Sinh*2, Hóa<br>Toán, Sinh*2, Anh<br>Toán, Sinh*2, Lý<br>Toán, Sinh*2, Văn<br>Toán, Sinh*2, Công nghệ (hướng công nghiệp)<br>Toán, Sinh*2, Tin học |
| 6                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | FA7480101  | Khoa học máy tính - Chương trình đại học bằng tiếng Anh                                                 | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                   |
| 7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | FA7480103  | Kỹ thuật phần mềm - Chương trình đại học bằng tiếng Anh                                                 | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                   |

| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                            | Tổ hợp môn                                                                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | FA7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa -<br><i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>                                   | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học |
| 9                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | FA7580201 | Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>                                                       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Văn, Hóa                         |
| 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | FA7340301 | Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) -<br><i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>                              | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| 11                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | FA7340201 | Tài chính ngân hàng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>                                                     | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| <p align="center"><b>CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH</b></p> <p><i>Thí sinh có nguyện vọng học chương trình đại học bằng tiếng Anh nhưng không có chứng chỉ tiếng Anh theo quy định có thể đăng ký xét tuyển vào chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh. Trong 01 năm học, thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định để chuyển vào chương trình chính thức. Sau 01 năm học, thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định sẽ phải dừng học.</i></p> |           |                                                                                                                      |                                                                                                                                              |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | D7340115  | Marketing - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                                                         | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | D7340101N | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i> | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                                  | Tổ hợp môn                                                                                                                                              |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3   | D7340120 | Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                      | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |
| 4   | D7420201 | Công nghệ sinh học - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                      | Toán, Sinh*2, Hóa<br>Toán, Sinh*2, Anh<br>Toán, Sinh*2, Lý<br>Toán, Sinh*2, Văn<br>Toán, Sinh*2, Công nghệ (hướng công nghiệp)<br>Toán, Sinh*2, Tin học |
| 5   | D7480101 | Khoa học máy tính - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                   |
| 6   | D7480103 | Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý                                   |
| 7   | D7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>      | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học            |
| 8   | D7580201 | Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Văn, Hóa                                    |
| 9   | D7340301 | Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i> | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                                       |

| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                                    | Tổ hợp môn                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | D7340201  | Tài chính ngân hàng - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                                                       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| <p align="center"><b>CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ</b></p> <p><b>Điều kiện tiếng Anh đầu vào:</b> Thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B2 tương đương IELTS 5.5 trở lên theo quy định của TDTU có giá trị từ ngày 01/10/2023 và còn giá trị đến ngày 01/10/2025. Thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định về TDTU sẽ không đủ điều kiện xét tuyển.</p> |           |                                                                                                                              |                                                                                                                                              |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | K7340101  | Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng Hòa Séc)</i> | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | K7340101N | Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)</i>                 | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | K7340201X | Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>              | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | K7340301  | Kế toán (song bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh)</i>                     | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | K7520201  | Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>         | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                                                                                               | Tổ hợp môn                                                                                                            |
|-----|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6   | K7580201  | Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>                                                                                                  | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Văn, Hóa  |
| 7   | K7480101L | Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>                                                                                                | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý |
| 8   | K7340120L | Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>                                                                                                | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa     |
| 9   | K7480101T | Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)</i>                                                                                       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý |
| 10  | K7340101E | Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)</i>                                                                              | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa     |
| 11  | K7340101M | Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học Massey (New Zealand)</i> | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa     |
| 12  | K7340101L | Quản trị kinh doanh (đơn bằng 3+1) – <i>Chương trình liên kết Đại học Lunghwa (Đài Loan)</i>                                                                                            | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa     |

| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành   | Tên ngành                                                                                                                  | Tổ hợp môn                                                                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | K7220201   | Ngôn ngữ Anh (đơn bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh)</i>               | Toán, Văn, Anh*2<br>Văn, Anh*2, Lý                                                                                                           |
| <p align="center"><b>CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ</b></p> <p><i>Thí sinh có nguyện vọng học chương trình liên kết đào tạo quốc tế nhưng không có chứng chỉ tiếng Anh theo quy định có thể đăng ký xét tuyển vào chương trình dự bị liên kết đào tạo quốc tế. Trong 01 năm học, thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định để chuyển vào chương trình chính thức. Sau 01 năm học, thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định sẽ phải dừng học.</i></p> |            |                                                                                                                            |                                                                                                                                              |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | DK7340101  | Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng Hòa Séc)</i>  | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | DK7340101N | Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)</i>         | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | DK7340201X | Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>      | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | DK7340301  | Kế toán (song bằng 3+1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh)</i>             | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa                            |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | DK7520201  | Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i> | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Văn<br>Toán*2, Anh, Tin học |

| STT | Mã ngành   | Tên ngành                                                                                                                                                                                     | Tổ hợp môn                                                                                                            |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6   | DK7580201  | Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>                                                                                                  | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Lý, Tin học<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Văn, Hóa  |
| 7   | DK7480101L | Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>                                                                                                | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý |
| 8   | DK7340120L | Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>                                                                                                | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa     |
| 9   | DK7480101T | Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)</i>                                                                                       | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Anh, Tin học<br>Toán*2, Văn, Lý |
| 10  | DK7340101E | Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)</i>                                                                              | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa     |
| 11  | DK7340101M | Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Massey (New Zealand)</i> | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa     |
| 12  | DK7340101L | Quản trị kinh doanh (đơn bằng 3+1) – <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Lunghwa (Đài Loan)</i>                                                                                            | Toán*2, Lý, Hóa<br>Toán*2, Lý, Anh<br>Toán*2, Văn, Anh<br>Toán*2, Anh, Hóa<br>Toán*2, Văn, Lý<br>Toán*2, Văn, Hóa     |